

Bản án số: 506/2025/HS-PT
Ngày: 30 - 9 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Toàn

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Duyên
Bà Bùi Thị Thu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 29 và 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 506/2025/TLPT-HS ngày 16 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Thị Hồng Y, do có kháng cáo của bị cáo, kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 243/2025/HS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

Nguyễn Thị Hồng Y; giới tính: nữ; sinh năm 1990 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi đăng ký thường trú: A C, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh); Nơi cư trú: F T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; Con ông Nguyễn Văn C và bà Tạ Thị T1; Chồng tên Lê Trọng T2; Có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không; Bắt, tạm giam: 03/5/2024; Thay đổi biện pháp Tạm giam bằng Cấm đi khỏi nơi cư trú: 09/8/2024; Bị cáo tại ngoại (có mặt);

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Ngọc T3 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Đoàn Thảo N; sinh năm 1994 (xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: 173, Tổ F, Khu phố C, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N: Luật sư Hà Ngọc T4 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

(Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị hại Đoàn Thảo N quen biết với bị cáo Nguyễn Thị Hồng Y thông qua bạn trai của bà N là ông Tống Đông K.

Khoảng tháng 3/2021, do cần tiền để kinh doanh nên ông K có nhờ bà N vay tiền giúp cho ông K. Do có quan hệ tình cảm với ông K nên bà N đã đồng ý và vay tiền của Y để đưa cho ông K.

Từ tháng 3/2021 đến tháng 10/2022, bà N đã nhiều lần vay tiền của Y với lãi suất thỏa thuận cao hơn mức lãi suất tối đa mà pháp luật cho phép.

Ngày 17/11/2022, bị cáo Y cùng chồng là ông Lê Trọng T2 và ông Nguyễn Phước Tuấn A (tài xế của bị cáo) đến nhà bà Nguyễn Thị Quế H (mẹ của bà N) tại địa chỉ số A đường T, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh tìm gặp bà N để đối chiếu việc nợ. Tại đây, giữa ông Tuấn A và ông Nguyễn Thành N1 (chồng bà H) xảy ra cãi vã xô xát với nhau. Sự việc đã được Công an phường Đ lập hồ sơ xử lý.

Đến ngày 11/01/2023, bà N và bị cáo đến nhà ông Huỳnh Xuân V (bạn của bà N) tại địa chỉ A Chung cư R, số C C B, Phường A, Quận D, để bà N nhờ ông V bán chiếc xe ô tô mang biển số 61A – 8966 (do bà N đang cầm cố cho ông V), lấy tiền trả cho Y. Tại đây, bà N và Y đã xác định số tiền mà bà N còn nợ Y là 15.500.000.000 đồng, bà N đã viết giấy xác nhận số nợ vừa nêu (bà N và Y đều cho biết đã làm mất giấy xác nhận nợ bản chính). Tuy nhiên, sau đó ông V đã chiếm đoạt xe của bà N và bỏ trốn. Hiện ông V đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H khởi tố và truy nã về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” trong một vụ án khác nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H chưa ghi được lời khai của ông V.

Trước đó, ông Nguyễn Thành N1 và bà Nguyễn Thị Quế H (cha mẹ của bà N) có yêu cầu Y chốt nợ với bà N để bà H và ông N1 trả nợ thay cho bà N nhưng sau đó không thực hiện. Do vậy, Y đã đăng giấy xác nhận nợ (đã đề cập) lên nền tảng Facebook và sử dụng Email dhoangyen1994@gmail.com gửi văn bản đến S có nội dung tố cáo Công ty M1 của bà H cấu kết với cán bộ ngân hàng Đ sai trị giá tài sản đảm bảo để được Ngân hàng vay số tiền lớn hơn trị giá tài sản bảo đảm. Mục đích của việc này là để tạo áp lực, buộc bà H, ông N1 và bà N phải trả cho Y 15.500.000.000 đồng. Do bị áp lực, bà H có chuyển cho Y 100.000.000 đồng nhưng Y không nhận mà chuyển trả lại cho bà H.

Do không có khả năng trả tiền cho Y nên bà N đã làm đơn gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tố cáo Y cho vay lãi nặng.

Căn cứ vào lời khai của Y, lời khai của bà N, lời khai của những người có liên quan, kết quả sao kê tài khoản số 32908888 của Y mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á (ngân hàng A1), tài khoản số 12702467 của bà N mở tại ngân hàng A1, các tài khoản liên quan, kết quả đối chất giữa bị cáo và bà N, xác định được như sau:

Trong các năm 2021, 2022 và 2023, Y nhiều lần chuyển khoản cho bà N với tổng số tiền đã chuyển là 58.849.487.955 đồng; bà N đã chuyển cho Y 61.102.749.988 đồng, tiền được chuyển đến tài khoản 32908888 của Y mở tại ngân hàng A1, tài khoản số 6001205323107 của ông Nguyễn Quang M (anh của Y) mở tại Ngân hàng N2 (A2), tài khoản số 0181003388535 của ông Nguyễn Thiên T5 (cậu của Y) mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 (V1), tài khoản số 0071000817092 của ông Lê Trọng T2 (chồng của Y) mở tại V1. Khi chuyển khoản qua lại, các bên không ghi rõ chi tiết nội dung chuyển tiền, chỉ có 03 lần chuyển tiền vào ngày 06/4/2021 và ngày 12/01/2021 thì có ghi là chuyển tiền đất và tiền thuế.

Y đã cho bà N vay tiền nhiều lần nhưng không xác định được chi tiết thời hạn vay, mức lãi suất cho vay của từng khoản vay cụ thể. Chỉ có một khoản vay duy nhất mà Y và bà N xác định được chính xác đó là: Vào ngày 27/10/2022, Y cho bà N vay 999.999.999 đồng (làm tròn là 1.000.000.000 đồng), thời hạn vay là 01 ngày, tiền lãi là 150.000.000 đồng (tương ứng với lãi suất 5.475%/năm). Đến chiều cùng ngày, bà N trả cho Y gốc và lãi là 1.150.000.000 đồng. Qua đối chiếu sao kê chuyển khoản và dữ liệu tin nhắn trong điện thoại của bà N và Y, xác định được trong ngày 27/10/2022, Y đã sử dụng tài khoản số 32908888 của Y mở tại ngân hàng A1 chuyển 999.999.999 đồng (chuyển 03 lần, một lần chuyển 499.999.999 đồng, một lần chuyển 300.000.000 đồng và một lần chuyển 200.000.000 đồng) đến tài khoản số 12702467 của bà N mở tại ngân hàng A1; sau đó, vào buổi chiều cùng ngày, bà N chuyển khoản trả 1.150.000.000 đồng tiền gốc và lãi cho Y (chuyển 04 lần, một lần chuyển 350.000.000 đồng, một lần chuyển 500.000.000 đồng, một lần chuyển 100.000.000 đồng và một lần chuyển 200.000.000 đồng).

Nguyễn Quang M (anh của Y), Lê Trọng T2 (chồng của Y, Nguyễn Thiên T5 (cậu của Y) là các chủ tài khoản ngân hàng đã giúp Y nhận tiền và chuyển tiền. Nguyễn Phước Tuấn A là tài xế chở ông T2 và Y đến nhà bà H vào ngày 17/11/2022. Những người này khai không biết mức lãi suất mà Y cho bà N vay.

Đối với việc Y đăng giấy xác nhận nợ được lập giữa Y với bà N lên mạng xã hội, gửi đơn đến S tố cáo Công ty M1 của bà H: Do không thu được bản chính giấy xác nhận nợ, cũng chưa ghi được lời khai của Huỳnh Xuân V nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tách hành vi này ra, tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý sau.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có thu giữ của bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max, có số imei là 353266542722673; thu giữ của ông Lê Trọng T2 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max, có số imei là 350419531271946.

Kết luận giám định số 4235/KL-KTHS ngày 10/4/2024 của Phòng K1 Công an Thành phố H kết luận: Đã trích xuất được dữ liệu trong điện thoại của Nguyễn Thị Hồng Y, gồm: 7.815 tin nhắn SMS, 2.392 tin nhắn Facebook; 25.974 tin nhắn Zalo; 07 thông tin tài khoản Facebook; 01 thông tin tài khoản Facebook Messenger; 03 thông tin tài khoản Zalo; 7.819 địa chỉ liên hệ Facebook; 3.206 địa chỉ liên hệ Zalo; 997 lịch sử cuộc gọi Facebook”.

Quá trình điều tra, Y khai nhận hành vi phạm tội theo nội dung cáo trạng truy tố, phù hợp với lời khai của bà N, kết quả trích xuất nội dung tin nhắn và sao kê chuyển khoản giữa bà N và Y vào ngày 27/10/2022.

Về mặt dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, vào ngày 16/10/2024, bị cáo đã tự nguyện nộp lại 149.440.000 đồng cho Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh để trả lại cho bà N.

Tại bản Cáo trạng số 559/CT-VKS-P2 ngày 22/8/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Hồng Yến về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 243/2025/HS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng Y 01 (một) năm tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/5/2024 đến ngày 09/8/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn kiến nghị, quyết định về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- **Ngày 26/5/2025**, bị cáo Nguyễn Thị Hồng Y kháng cáo xin giảm hình phạt;

- **Ngày 27/5/2025**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thảo N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên buộc bị cáo phải trả cho bà N số tiền 3.501.609.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

1. **Phân xét hỏi:**

Bị cáo Nguyễn Thị Hồng Y vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và trình bày xin Hội đồng xét xử xem xét toàn bộ vụ việc, bản chất quan hệ giữa bị cáo và bà N là quan hệ góp vốn làm ăn. Hiện tại bị cáo đang nuôi 02 con nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin cho bị cáo được hưởng án treo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thảo N xin xét xử vắng mặt.

2. Tranh luận:

2.1. Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Khi xem xét quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo nên mức án sơ thẩm đã xử bị cáo là có căn cứ. Bị cáo có kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở chấp nhận. Đối với kháng cáo bà N: Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ điều tra bổ sung nhưng kết quả điều tra chỉ có cơ sở quy kết hành vi phạm tội của bị cáo đối với số tiền 1.000.000.000 đồng, nên yêu cầu kháng cáo của bà N không có cơ sở chấp nhận. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2.1. Người bào chữa cho bị cáo trình bày:

Bị cáo không cố ý phạm tội, bị cáo là nạn nhân của việc bị gài bẫy. Mục đích ban đầu huy động vốn, 02 bên đã có thỏa thuận miệng về việc góp vốn, trong vụ án này thiếu yếu tố chiếm đoạt. Bà N đã tạo bằng chứng về lãi suất cao thông qua việc yêu cầu bị cáo chuyển tiền, sau đó chuyển lại kèm theo lãi suất. Bị cáo đã bị dẫn dắt thúc ép của bà N qua tin nhắn zalo. Việc rút đơn tố cáo của những người cùng tố cáo bà N ngay khi bị cáo bị khởi tố thể hiện sự thao túng của bà N.

Bản án sơ thẩm đã không ghi nhận các tình tiết giảm nhẹ tự nguyện khắc phục hậu quả trong quá trình điều tra, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng cho bị cáo là có thiếu sót, ngoài ra bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đang nuôi 02 con nhỏ sinh năm 2015 và 2019, bị cáo đã bị tạm giam 03 tháng sau đó được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét toàn bộ bản chất vụ việc, áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định mức hình phạt thấp nhất khung hình phạt và áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

2.2. Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà N trình bày:

Quá trình điều tra thể hiện bị cáo là người khai nhận cho bà N vay số tiền hơn 57.000.000.000 đồng, chỉ là trước đây bị cáo khai không nhớ là tính lãi bao nhiêu để không truy cứu bị cáo đối với toàn bộ số tiền hơn 57.000.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại chứng cứ để xác định lại số tiền cho vay. Bị cáo cho rằng bà N gài bẫy là không có căn cứ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm đối với những đương sự khác. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án.

3. Phần lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị cáo Nguyễn Thị Hồng Y và bà Đoàn Thảo N thực hiện việc kháng cáo theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận thực hiện hành vi như nội dung của cáo trạng và bản án sơ thẩm đã xác định, phù hợp với lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

[2.1] Vào ngày 27/10/2022, bị cáo Y cho bà N vay 999.999.999 đồng (làm tròn là 1.000.000.000 đồng), thời hạn vay là 01 ngày, tiền lãi là 150.000.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 5.475%/năm). Đến chiều cùng ngày, bà N đã trả cho bị cáo 1.150.000.000 đồng, bao gồm 1.000.000.000 đồng tiền gốc và 150.000.000 đồng tiền lãi. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì trong giao dịch vay sản “các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay”. Như vậy, bị cáo đã cho bà N vay tiền với lãi suất cao hơn 05 lần so với mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép. Theo quy định vừa viện dẫn thì bà N chỉ phải trả cho bị cáo tối đa là 560.000 đồng tiền lãi (tương ứng với lãi suất 20%/năm). Như vậy, số tiền lãi mà bị cáo thu của bà N vượt quá mức cao nhất mà pháp luật cho phép là 149.440.000 đồng.

[2.2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là xâm phạm đến lĩnh vực tài chính. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là sai trái, bị luật pháp nghiêm cấm nhưng vì động cơ vụ lợi nên vẫn cố ý vi phạm.

[2.3] Với hành vi nêu tại mục [2.1] và nhận định tại mục [2.2], Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo bị cáo Nguyễn Thị Hồng Y phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Hồng Y:

Khi xem xét quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là phụ nữ, có 02 con nhỏ; sau khi phạm tội đã tự nguyện nộp lại số tiền 149.440.000 đồng (là số tiền lãi thu vượt quá quy định) để trả lại cho bà N, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo có mức độ nguy với mức lãi suất đặc biệt cao (5.475%/năm) gấp hơn 273,75 lần so với mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép; Hơn nữa, các hành vi mà bị cáo đã thực hiện còn có dấu hiệu phạm vào tội phạm khác đang được Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ. Do đó, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo là có căn cứ.

Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo nhưng không cung

cấp được tình tiết mới làm căn cứ xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thảo N:

Theo lời khai của bị cáo Y và bà N thì trước ngày 27/10/2022, bị cáo đã cho bà N vay tiền nhiều lần với số tiền rất lớn; bà N cho biết lãi suất cho vay đều từ 02%/ngày trở lên. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu điều tra làm rõ nội dung đã đề cập để tránh bỏ lọt hành vi phạm tội. Tuy nhiên, kết quả điều tra không làm rõ được chi tiết cụ thể những lần vay trước ngày 27/10/2022 nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chỉ truy tố hành vi phạm tội xảy ra vào ngày 27/10/2022. Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng giữ nguyên quan điểm truy tố. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án chỉ xét xử bị cáo về hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố.

Đối với Nguyễn Quang M (anh của Y), Lê Trọng T2 (chồng của Y), Nguyễn Thiên T5 (cậu của Y) và Nguyễn Phước Tuấn A: Trong quá trình điều tra, không có đủ căn cứ để xác định những người này biết mức lãi suất mà Y cho bà N vay nên không đủ cơ sở để xác định những người này là đồng phạm của Y. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không khởi tố những người này là phù hợp với quy định của pháp luật.

Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bà N có kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết mới để chứng minh. Mặt khác, những nội dung yêu cầu của bà N chưa được cấp sơ thẩm giải quyết, nên trong phạm vi giới hạn xét xử Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà N.

[5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Các nội dung và quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí phúc thẩm:

- Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thảo N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Hồng Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thảo N.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 243/2025/HS-ST ngày 16/5/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hồng Y phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng Y 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/5/2024 đến ngày 09/8/2024.

2. Các nội dung và quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Thị Hồng Y phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm;

- Bà Đoàn Thảo N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0070767 ngày 04/6/2025 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- BCTN (1);
- NLQ (1);
- Lưu (10) 23b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đức Toàn